

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY BẮC  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10-10-2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Đình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Xiêm

2. Bà Dương Thị Diễm Sương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoài Nhớ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 227/2019/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 28/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19/9/2019. Giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã Kh, huyện M, tỉnh Bến Tre.

**Bị đơn:** Võ Thị Tuyết M, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú cuối cùng: ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2019 và các lời trình khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Võ Thị Tuyết M tự nguyện kết hôn trên cơ sở quen biết, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện M (Nay là huyện MB), tỉnh Bến Tre vào năm 2002. Sau khi kết hôn, anh chị sống không hạnh phúc thường xuyên cãi vã nhau, từ tháng 7/2016 chị M bỏ nhà đi không rõ nguyên nhân cho đến nay không có tin tức. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị M cũng đã đi biệt tích đến nay hơn 2 năm và Tòa án nhân dân huyện M đã tuyên bố chị Võ Thị Tuyết M mất tích nên anh xin ly hôn với chị Võ Thị Tuyết M; Về con chung: Trong thời gian sống chung, anh chị có một con chung tên Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1998, đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn trình bày không có.

Bị đơn chị Võ Thị Tuyết M vắng mặt vào các lần Tòa án mời nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa: nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chị Võ Thị Tuyết M có địa chỉ cư trú cuối cùng tại xã K nên căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn chị Võ Thị Tuyết M đã bị Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tuyên bố mất tích và không có mặt tại phiên tòa mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T đối với chị Võ Thị Tuyết M, thấy rằng: Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Võ Thị Tuyết M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa anh và chị M là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh T nhìn nhận do mâu thuẫn nên vợ chồng thường cãi vã nhau và chị M đã biệt tích hơn 02 năm không có tin tức, anh yêu cầu Tòa án cho anh được ly hôn vì hôn nhân của anh thật sự không hạnh phúc. Hội đồng xét xử thấy rằng vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung với nhau, cùng nhau xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc nhưng chị M đã đi biệt tích đến nay hơn hai năm như vậy mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, anh T cũng cho rằng không còn tình cảm vợ chồng với chị Mai. Bên cạnh đó, Tòa án nhân dân huyện M đã có Quyết định số 01/2019/QĐST-DS ngày 28/5/2019 tuyên bố chị Võ Thị Tuyết M mất tích. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T là phù hợp.

Về con chung: Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1998, đã trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T trình bày không có nên không đề cập.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T. Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Võ Thị Tuyết M.

[2] Về con chung: Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1998, đã trưởng thành nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung và về nợ chung: Anh Nguyễn Văn T trình bày không có nên không đề cập.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 000xxxx ngày 19/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre nên không còn phải nộp thêm.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử lại theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi Cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (2b);
- UBND xã K, mẫu TP/HT-1999-B.2, số 21, quyền số 03, ngày 18/12/2002 (01b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Đĩnh**